

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2022.
V/v tranh chấp Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Hiếu;
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 276/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Huỳnh Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983.

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau được cha, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng ngày 15/7/2008. Quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 17/5/2003 đã trưởng thành và Nguyễn Thị

Đoan T1, sinh ngày 10/10/2016 hiện đang sống với bà T. Do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà đã ly thân nhau từ tháng 6/2021 đến nay.

Nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976.

- Về con chung: Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 17/5/2003 đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Đoan T1, sinh ngày 10/10/2016 hiện đang sống với bà T. Bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung bà T trình bày là đúng sự thật. Ông đồng ý ly hôn với bà T, ông yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Đoan T1, sinh ngày 10/10/2016 hiện đang sống với bà T. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về tình trạng hôn nhân vào năm 2002 bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn C có tổ chức cưới trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 15/7/2008 là đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà T và ông C thường hay cãi vã, hai bên đã sống ly thân trong thời gian dài từ tháng 6/2021 đến nay. Từ khi thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã tiến hành hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho các đương sự tự hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C không tham gia hòa giải. Nay bà T không đồng ý tiếp tục chung sống với ông C và cương quyết ly hôn nên đây là quyền tự định đoạt, quyết định của bà T theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 17/5/2003 đã trưởng thành, phát triển về thể chất và tinh thần nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Đoan T1, sinh ngày 10/10/2016, hiện nay cháu T1 do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc khác bà T đã có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, cháu T1 đang có cuộc sống ổn định bên mẹ. Do đó căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu T1 nên cần giao cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh và xã hội.

Đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của ông C thấy rằng hiện nay cả ông C và bà T đều đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên do hiện nay cháu T1 đã có cuộc sống ổn định bên mẹ, để tránh xáo trộn cuộc sống cũng như tâm lý cho cháu T1 nên cần giao cháu cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Nên yêu cầu của ông C là không có cơ sở chấp nhận, nếu

sau này bà T không còn đủ điều kiện nuôi cháu T1 thì ông C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn C có tổ chức cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 15/7/2008 là đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà T và ông C thường hay cãi vã, hai bên đã sống ly thân trong thời gian dài từ tháng 6/2021 đến nay. Do có nhiều mâu thuẫn nên bà T không đồng ý tiếp tục chung sống với ông C và cương quyết ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T.

[2] Về con chung:

Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 17/5/2003 đã trưởng thành, phát triển về thể chất và tinh thần nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Đoan T1, sinh ngày 10/10/2016, hiện nay cháu T1 do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc khác bà T đã có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, cháu T1 đang có cuộc sống ổn định bên mẹ. Do đó căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu T1 nên cần giao cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh và xã hội tại Công văn số: 457/P.LĐTĐBXH ngày 16/11/2022.

Đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của ông C thấy rằng hiện nay cả ông C và bà T đều đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên do hiện nay cháu T1 đã có cuộc sống ổn định bên mẹ, để tránh xáo trộn cuộc sống cũng như tâm lý cho cháu T1 nên cần giao cháu cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Nên yêu cầu của ông C là không có cơ sở chấp nhận, nếu sau này bà T không còn đủ điều kiện nuôi cháu T1 thì ông C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Các đương sự tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị T ly hôn ông Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Đoàn T1, sinh ngày 10/10/2016 hiện đang sống với bà Huỳnh Thị T cho bà Huỳnh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách. Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Văn C không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Huỳnh Thị T không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Các đương sự tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Huỳnh Thị T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004674 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách không nộp T. Ông Nguyễn Văn C không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Bình